|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| |  | | --- | | **HDC Gồm 07 trang** | | **KỲ THI HỌC SINH GIỎI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **LẦN THỨ XIV, NĂM 2023**  **HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN: LỊCH SỬ 11**  *Ngày thi: 15/7/2023*  *Ngày chấm: 16/7/2023* |

**I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

*1. Thí sinh trả lời theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản như trong Hướng dẫn chấm thi thì vẫn cho đủ điểm.*

*2. Thí sinh vận dụng kiến thức cơ bản từ những tài liệu ngoài SGK thì được khuyến khích cho thêm điểm, nhưng không được vượt quá điểm của từng câu và của toàn bài.*

*3. Tổng điểm toàn bài 20 điểm; điểm thành phần chi tiết đến 0.25 điểm.*

**II. HƯỚNG DẪN CHI TIẾT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN ĐẠT** | **Điểm** |
| **1** | **Vì sao năm 1995 Việt Nam ra nhập tổ chức ASEAN?** | **3.0** |
|  | Thứ nhất, mục đích, nguyên tắc hoạt động của tổ chức ASEAN nhất là tuyên bố của Hiệp ước Bali (2/1976) phù hợp yêu cầu phát triển của nước ta trong thời kì đổi mới. | 0,5 |
| Thứ hai, Sau CTL chấm dứt (1989), trật tự 2 cực Ianta sụp đổ (1991), quan hệ quốc tế chuyển từ đối đầu sang xu thế hòa bình hợp tác phát triển. Xu thế này đã tác động trực tiếp đến mối quan hệ giữa ASEAN với Đông Dương. Kể từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, vấn đề Cămpuchia đã được giải quyết. Việc Việt Nam tham gia ký Hiệp định Pari (1991) về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia, đã mở ra tiền đề Việt Nam thúc đẩy quan hệ với khu vực và cộng đồng quốc tế. Năm 1992, VN kí Hiệp ước BaLi và trở thành quan sát viên, tạo tiền đề để VN ra nhập ASEAN năm 1995 | 0,5 |
| Thứ ba, trong xu thế hòa hoãn Đông – Tây, tháng 12/1988 thủ tướng Thái Lan là Chalicha Choolavan tuyên bố muốn biến Đông Dương từ chiến tranh thành thị trường. Tuyên bố của ông cũng là mong muốn của ASEAN, hơn nữa trong bối cảnh mới ASEAN cần tăng cường sức mạnh kinh tế của từng nước và khu vực thông qua sự hợp tác trong khu vực vì thế việc phát triển quan hệ với Việt Nam và Đông Dương trở thành chính sách của ASEAN | 0,5 |
| Thứ tư, do yêu cầu của công cuộc đổi mới: Đất nước tiến hành đổi mới từ năm 1986, Đảng ta bắt đầu tiến hành công cuộc đổi mới đất nước nhấn mạnh việc phát triển quan hệ hữu nghị với các nước ASEAN và châu Á – Thái bình dương là mục tiêu hàng đầu trong chính sách đối ngoại. Việt Nam cho rằng đẩy mạnh hợp tác với ASEAN sẽ giúp VN nhanh chóng đuổi kịp và hội nhập khu vực Đông Nam Á đang phát triển sôi động | 0,5 |
| Thứ năm, việc ra nhập ASEAN sẽ giúp Việt Nam tận dụng được nhiều cơ hội thuận lợi cho đất nước tiếp thu thành tựu khoa học kĩ thuật, vốn, trình độ quản lí của nước ngoài | 0,5 |
| Thứ sáu, Sự phát triển của khoa học công nghệ và xu thế toàn cầu hóa đang đòi hỏi các nước phải liên kết lại để cùng phát triển. Không một nước nào có thể đứng ngoài xu thế toàn cầu hóa, bởi tất cả đều phụ thuộc lẫn nhau Việt Nam không thể đứng ngoài xu thế hội nhập. | 0,5 |
| **2** | **Tóm tắt sự chuyển biến về cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam dưới tác động cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp. Vì sao vốn đầu tư của thực dân Pháp trong thời gian này lại tăng cao?** | **2,5** |
| **Ý 1** | **Tóm tắt sự chuyển biến về cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam dưới tác động cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp.** | **1,5** |
|  | Từ một nền kinh tế thuần nông, đã xuất hiện những ngành kinh tế mới như công nghiệp, giao thông vận tải, tài chính – ngân hàng | 0,25 |
| Trong nông nghiệp: Pháp đẩy mạnh cướp đoạt ruộng đất, lập nhiều đồn điền trồng cao su, cà fê, lúa…Năm 1927 vốn đầu tư vào nông nghiệp lên tới 400 triệu Frăng, chủ yếu là cho đồn điền Cao Su, vì thế diện tích trồng cao su tăng, nhiều công ty trồng cao su ra đời : Công ty đất đỏ, Mitsơlanh, cây trồng nhiệt đới… | 0,25 |
| Trong công nghiệp: Pháp đẩy mạnh khai thác mỏ (chủ yếu mỏ than), nhiều công ty khai mỏ Than mới được thành lập như Công ty than Hạ Long, Đồng Đăng, Đông Triều…Các cơ sở khai thác Kẽm, Thiếc, sắt đều được bổ sung thêm vốn, nhân công và đẩy mạnh tiến độ. Đồng thời Pháp mở thêm một số cơ sở công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến không có khả năng cạnh tranh với chính quốc như: Nhà máy rượu Hà Nội, nhà máy diêm Bến Thủy, nhà máy xay xát gạo Chợ lớn… | 0,25 |
| Thương nghiệp có bước phát triển mới: Ngoại thương có phát triển hơn trước, quan hệ buôn bán nội địa cũng được đẩy mạnh. Song Pháp độc chiếm thị trường Đông Dương, nắm độc quyền xuất nhập khẩu, đánh thuế nặng hàng ngoại nhập, nhập nhiều hàng Pháp vào thị trường Đông Dương. Trước chiến tranh, hàng hóa Pháp nhập vào Đông Dương chỉ chiếm 37%, đến năm 1929 hàng Pháp chiếm khoảng 63% tổng số hàng nhập. | 0,25 |
| Tài chính – ngân hàng: Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy nền kinh tế Đông Dương. Năm 1930 ngân sách Đông Dương tăng 3 lần so với năm 1912 | 0,25 |
| Giao thông – vẩn tải: Mở nhiều tuyến đường sắt, đường bộ, đường thuỷ… Nhằm nối các trung tâm kinh tế, các khu vực khai thác nguyên liệu phục vụ công cuộc khai thác và mục đích quân sự. Đường sắt xuyên Đông Dương được nối thêm đoạn Đồng Đăng – Na Sầm(1922), Vinh – Đông Hà (1927). Đến năm 1932, Pháp đã xây dựng 2389 km đường sắt trên lãnh thổ VN. Nhiều cảng mới như Hòn Gai, Bến Thủy được xây dựng. Các đô thị được mở rộng và dân cư đông hơn. | 0,25 |
| **Ý 2** | **Vì sao vốn đầu tư của thực dân Pháp trong thời gian này lại tăng cao?** | **1,0** |
|  | **Pháp cần bù đắp tổn thất do Chiến tranh thế giới thú nhất để lại:** Sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 -1918) Pháp tuy là nước thắng trận, nhưng bị thiệt hại nặng nề. Hơn 1,4 triệu người chết, tổng thiệt hại về vật chất lên tới 200 tỉ Frăng, sản xuất công, nông, thương nghiệp và giao thông vận tải bị giảm sút. vốn đầu tư của pháp vào nước Nga trước đó và ra nước ngoài bị mất trắng. Pháp từ một chủ nợ trở thành con nợ (nhất là nợ Mỹ). Năm 1920 Pháp nợ nước ngoài lên tới 300 tỉ Frăng. | 0,25 |
| **Về chính trị:** Các cuộc khởi nghĩa ở Việt Nam cơ bản đã bị đàn áp, tình hình thuộc địa ổn định là đk thuận lợi trong việc đầu tư vốn vào Đông Dương | 0,25 |
| **Về cơ sở hạ tầng:** cầu cống đường xá đã được xây dựng từ cuộc khai thác thuộc địa lần 1, tạo ra con đường xâm nhập sâu vào thuộc địa, Pháp sắn sàng bỏ vốn để khai thác | 0,25 |
| **Để khôi phục đồng tiền Fran:** Đồng fran của Pháp sau Chiến tranh thế giới thứ mất giá nghiêm trọng do lạm phát. | 0,25 |
| **3** | **Tóm tắt và nhận xét hoạt động của tiểu tư sản trí thức Việt Nam trong những năm 1919 - 1925. Đề xuất biện pháp phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ngày nay.** | **3,0** |
| **Ý 1** | **Tóm tắt hoạt động của tiểu tư sản trí thức Việt Nam trong những năm 1919 - 1925.** | **1,0** |
|  | Thành lập các tổ chức chính trị (Hội Phục Việt, Hưng Nam); Thành lập các nhà xuất bản (Nam đồng thư xã, Cường học thư xã); Xuất bản các tờ báo tiến bộ (Chuông rè, An nam trẻ, người nhà quê) | 0,25 |
| Tham gia đấu tranh chính trị trong phong trào dân tộc dân chủ: Đòi để tang Phan Châu Trinh (1926), đòi thả Phan Bội Châu (1925); tham gia đấu tranh chính trị đòi quyền tự do dân chủ, đấu tranh chống Pháp độc quyền cảng Sài Gòn | 0,25 |
| Vận động quần chúng tham gia PTYN, giác ngộ nhân dân tham gia phong trào vì độc lập tự do, dân chủ tiến bộ, họ góp phần vào giáo dục truyền thống dân tộc, góp phần vào thúc đẩy PTYN đi theo khuynh hướng mới | 0,25 |
| Ở hải ngoại, tiểu tư sản trí thức Việt Nam đã thành lập tổ chức Tâm Tâm xã, điển hình nhất là sự kiện tiếng bom xa diện của Phạm Hồng Thái | 0,25 |
| **Ý 2** | **Nhận xét** | **1,0** |
|  | Đối tượng, mục tiêu đấu tranh: Tiểu tư sản trí thức xác định rõ đối tượng đấu tranh là đế quốc Pháp và phong kiến tay sai, mục tiêu đấu tranh đòi quyền dân tộc, dân chủ. | 0,25 |
| Lực lượng, quy mô địa bàn hoạt động: Lôi quấn đông đảo các giai cấp, tầng lớp trong xã hội; hoạt động trên cả nước và cả hải ngoại, tập trung chủ yếu ở các đô thị (đặc trưng của lực lượng tiểu tư sản là sống ở thành thị) | 0,25 |
| Hình thức, phương pháp đấu tranh: Đa dạng, phong phú; có đấu tranh chính trị như mít tinh, biểu tình, truyền đơn, tuyên truyền giác ngộ chính trị và cả bạo động vũ trang (Tiếng bom Sa Diện của Phạm Hồng Thái) | 0,25 |
| Vai trò của tiểu tư sản trí thức: có vai trò là lực lượng nòng cốt của PT dân tộc dân chủ công khai; họ có ý thức dân tộc và dân chủ vừa chống đế quốc vừa chống PK; họ là lực lượng nhạy cảm với thời quốc dễ tiếp thu và tuyên truyền tư tưởng tiến bộ của thời đại (do họ có trình độ, nhận thức, hiểu biết, được đọc các sách báo tài liệu, hiểu và nhận thức được vấn đề, dễ tiếp thu và truyền bá tư tưởng); tiểu tư sản trí thức tuy không có khả năng lãnh đạo cách mạng nhưng là lực lượng rất quan trọng, góp phần chuyển biến phong trào cách mạng từ dân chủ tư sản sang vô sản | 0,25 |
| **Ý 3** | **Đề xuất biện pháp phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ngày nay** | **1,0** |
|  | Đề cao, vinh danh những trí thức có đóng góp lớn cho dân tộc | 0,25 |
| Kêu gọi lực lượng trí thức ở nước ngoài về giúp đất nước, hạn chế “chảy máu chất xám” | 0,25 |
| Đẩy mạnh KH-KT, sắp xếp những công việc phù hợp với trí thức | 0,25 |
| Nhà nước cần có biện pháp, chính sách khuyến khích nhân tài đặc biệt là trí thức trẻ | 0,25 |
| **4** | **Nêu hoạt động Nguyễn Ái Quốc trong thời gian ở Pháp (1917 - 1923) và tác động của những hoạt động đó đến cách mạng Việt Nam.** | **3,0** |
| **Ý 1** | **Nêu hoạt động Nguyễn Ái Quốc trong thời gian ở Pháp (1917 - 1923)** | **1,5** |
|  | Cuối năm 1917, Người từ Anh trở lại Pháp. Tại Pháp, Người tích cực học tập, rèn luyện và tham gia hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, ra nhập Đảng xã hội Pháp, nhanh chóng trở thành nhân vật chủ chốt của tổ chức Hội người Việt Nam yêu nước ở Pa ri. | 0,25 |
| Tháng 6/1919 tại Pari, Người gửi tới Hội nghị Vecxai bản yêu sách của nhân dân An Nam, đòi Pháp công nhận các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc VN. Dù không được chấp nhận, bản yêu sách đã gây tiếng vang lớn. Từ đó Người kết luận “muốn được độc lập và tự do thật sự các dân tộc bị áp bức phải trông cậy trước hết vào bản thân mình, người VN phải tự giải phóng mình”. | 0,25 |
| Tháng 7/1920, Người đọc được bản sơ thảo thứ nhất, những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin. Luận cương của Lênin đã giúp Người khảng định muốn cứu nước và giải phóng dân tộc phải đi theo con đường cách mạng vô sản. | 0,25 |
| Tháng 12/1920, tại Đại hội của Đảng xã hội Pháp họp ở Tua, Người đã bỏ phiếu ra nhập Quốc tế thứ III và tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản VN đầu tiên, đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời đấu tranh cách mạng của Người - từ một người yêu nước chân chính trở thành một người cộng sản. Đồng thời | 0,25 |
| Năm 1921, Người tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa để xây tình đoàn kết giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. | 0,25 |
| Năm 1922, Người tham gia sáng lập báo “Người cùng khổ”(cơ quan ngôn luận của Hội liên hiệp thuộc địa), vạch trần chính sách đàn áp, bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức nổi dậy đấu tranh tự giải phóng. Ngoài ra Người còn viết bài cho báo nhân đạo của Đảng cộng sản Pháp, báo đời sống công nhân của tổng liên đoàn lao động Pháp, bắt đầu viết tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp (xuất bản 1925 tại Pari). | 0,25 |
| **Ý 2** | **Tác động của những hoạt động đó đến cách mạng Việt Nam.** | **1,5** |
|  | Người đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam, đó là con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản. mở đường chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn | 0,5 |
| Những hoạt động của Người đã bước đầu xây dựng được mối liên hệ, tình đoàn kết quốc tế giữa cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng Pháp, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phong trào cách mạng thế giới | 0,5 |
| Những sách báo do Người viết, một mặt tố cáo tội ác của bọn đế quốc, mặt khác được bí mật truyền bá về nước, góp phần quan trọng vào việc truyền bá CN Mác – Lênin về nước, thôi thúc nhân dân đứng lên đấu tranh. Đây là sự chuẩn bị bước đầu về chính trị, tư tưởng cho việc thành lập Đảng sau này. | 0,5 |
| **5** | **Vì sao nói từ khi Nhật đầu hàng đồng minh đến những ngày đầu tháng 9 - 1945 là thời cơ “ngàn năm có một” của dân tộc Việt Nam? Việc chớp thời cơ giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám 1945 của Đảng cộng sản Dông Dương thể hiện qua những sự kiện nào?** | **3,0** |
| **Ý 1** | **Vì sao nói từ khi Nhật đầu hàng đồng minh đến những ngày đầu tháng 9 - 1945 là thời cơ “ngàn năm có một” của dân tộc Việt Nam?** | **1,25** |
|  | Thời cơ “ngàn năm có một” chỉ tồn tại trong thời gian rất ngắn, từ sau khi quân Nhật đầu hàng đồng minh (15/8/1945) đến trước khi quân đồng minh vào Đông Dương (đầu tháng 9/1945), thời cơ này được coi là ngàn năm có một vì nó đan xen với nguy cơ: | 0,25 |
| Nếu Tổng khởi nghĩa nổ ra sớm trước khi Nhật đầu hàng Đồng minh (trước 15/8/1945) thì khởi nghĩa sẽ gặp nhiều khó khăn. Phát xít Nhật vẫn còn đủ lực lượng để chống lại cách mạng một cách quyết liệt. Vì vậy thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền chưa chín muồi. | 0,25 |
| Nếu Tổng khởi nghĩa nổ ra muộn hơn khi quân Đồng minh đã kéo vào nước ta thì thời cơ đã qua, nhân dân ta không còn cơ hội để khởi nghĩa giành chính quyền. Nếu đứng lên khởi nghĩa sẽ phải đối mặt với nhiều kẻ thù. | 0,25 |
| Vì vậy từ sau khi quân Nhật đầu hàng đồng minh (15/8/1945) đến trước khi quân đồng minh vào Đông Dương (đầu tháng 9/1945), là thời cơ ngàn năm có một tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho nhân dân ta khởi nghĩa giành chính quyền: kẻ thù chính của ta là phát xít Nhật đã gục ngã. Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang cực độ, quân Pháp ở Đông Dương đang tìm cách ngóc đầu dậy nhưng cũng chưa đủ mạnh để lật đổ Nhật chiếm lại Đông Dương, còn quân Đồng minh lại chưa kịp vào. Quần chúng nhân dân đã sẵn sàng nổi dậy giành chính quyền, trung ương đảng đã hoàn tất công tác chỉ đạo khởi nghĩa, tâng lớp trung gian đã ngả hẳn về phía cách mạng. | 0,25 |
| Từ sự phân tích trên, Đảng và Việt Minh đã quyết định mau chóng chớp lấy thời cơ, phát động quần chúng tổng khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân đồng minh vào Đông Dương. | 0,25 |
| **Ý 2** | **Việc chớp thời cơ giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám 1945 của Đảng cộng sản Dông Dương thể hiện qua những sự kiện nào?** | **1,75** |
|  | Từ Ngày 13/8/1945 khi nghe tin Nhật sắp đầu hàng đồng minh, TWĐ và tổng bộ Việt Minh đã lập tức thành lập **Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc**, 23h cùng ngày Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra **quân lệnh số 1**, chính thức phát lệnh tổng khởi nghĩa trong cả nước. | 0,25 |
| Ngày 14 và 15/8/1945 Đảng họp hội nghị toàn quốc ở Tân Trào (Tuyên Quang). Hội nghị thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa và quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nôị, đối ngoại sau khi giành được chính quyền. | 0,25 |
| Ngày 16 và 17/8/1945, Việt Minh họp Đại Hội Quốc Dân ở Tân Trào (Tuyên Quang), tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh và cử ra uỷ ban dân tộc giải phóng VN do HCM làm chủ tịch. | 0,25 |
| Sau đó HCM gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước nổi dậy giành chính quyền “lúc này thời cơ thuận lợi đã tới dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy trường sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”. | 0,25 |
| Như vậy trên thực tế đảng ta không chỉ có đường lối, chủ trương đúng đắn mà còn nắm vững thời cơ và có quyết tâm cao nên đã đưa cách mạng tháng 8/1945 đến thành công | 0,25 |
| Từ ngày 14/8/1945 đến ngày 28/8/1945, Đảng đã lãnh đạo quần chúng chớp thời cơ tổng khởi nghĩa giành thắng lợi nhanh chóng và ít đổ máu, | 0,25 |
| Bác hồ đã soạn thảo và đọc bản tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (2/9/1945). | 0,25 |
| **6** | **Trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa 2 nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong những năm 1945 - 1946, anh chị hãy trình bày suy nghĩ mối quan hệ giữa 2 nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc ngày nay.** | **3,0** |
| **Ý 1** | **Phân tích mối quan hệ giữa 2 nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong những năm 1945 - 1946.** | **2,0** |
|  | Dựng nước đi đôi với giữ nước là quy luật của lịch sử dân tộc, điều đó được phản ánh trong giai đoạn 1945 - 1946 ở việc kết hợp 2 nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng chế độ mới. Điều này được ghi rõ tại chỉ thị kháng chiến kiến quốc của BTVTW Đảng ngày 25/11/1945). | 0,5 |
| **Nhiệm vụ xây dựng chế độ mới** được tiến hành toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và an ninh... Việc xây dựng chế độ mới không chỉ củng cố và phát triển thành quả của cách mạng tháng Tám mà còn tạo ra sức mạnh vật chất và tinh thần để đấu tranh với kẻ thù đế quốc nhằm bảo vệ chế độ dân chủ cộng hòa. | 0,5 |
| **Nhiệm vụ bảo vệ chế độ mới** được thực hiện bằng những sách lược khác nhau, những biện pháp khác nhau, khi thì hòa với Trung Hoa Dân Quốc để đánh Pháp, khi thì hòa với Pháp để đẩy Trung Hoa Dân Quốc về nước. Chính nhờ những biện pháp này Việt Nam đã tránh được trường hợp bất lợi phải chiến đấu với nhiều kẻ thù một lúc, khi so sánh lực lượng còn rất chênh lệch không có lợi cho cách mạng, từng bước loại bỏ bớt kẻ thù, đặc biệt là tạo ra được thời gian hòa bình vô cùng quí báu trên một phần hoặc trong cả nước để củng cố chính quyền, xây dựng lực lượng cách mạng và chuẩn bị mọi mặt cho cuộc chiến đấu lâu dài. | 0,5 |
| **Hai nhiệm vụ trên đây có mỗi quan hệ mật thiết với nhau.** Xây dựng tạo ra sức mạnh để bảo vệ, bảo vệ chế độ mới lại tạo điều kiện để xây dựng chế độ mới. Muốn bảo vệ chế độ mới cần có thực lực cách mạng, làm chỗ dựa cho các mặt trận đấu tranh lúc đó là quân sự và ngoại giao. Chủ tịch Hồ Chí Minh khảng định “thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng có to thì tiếng mới lớn” | 0,5 |
| **Ý 2** | **Trình bày suy nghĩ mối quan hệ giữa 2 nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc ngày nay.** | **1,0** |
|  | Trong sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc ngày nay, Đảng luân nhận thức và quán triệt đầy đủ trong đường lối và chủ trương cách mạng của mình. 2 nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc có mối quan hệ mật thiết với nhau trong từng việc làm. | 0,25 |
| Ngay sau khi thống nhất đất nước, đại hội lần thứ tư của Đảng (1976) quyết định đưa cả nước tiến lên xây dựng CNXH, đẩy mạnh công cuộc xây dựng CNXH, đồng thời cũng nhấn mạnh phải không ngừng nâng cao cảnh giác thường xuyên củng cố quốc phòng giữ vững an ninh chính trị và trật tựu an toàn xã hội. Đại hội V(1982) của Đảng xác định 2 nhiệm vụ chiến lược của cách mạng VN: một - xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, hai - bảo vệ vững chắc tổ quốc XHCN. | 0,25 |
| Nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc có nội dung hết sức rộng lớn, bảo vệ các quyền dân tộc cơ bản (Độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ), bảo vệ chế độ chính trị, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng và cuộc sống của nhân dân, bảo đảm an ninh chính trị, an ninh văn hóa, an ninh kinh tế, an ninh môi trường, an ninh thông tin...Đó không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan chuyên chách mà là nhiệm vụ của toàn dân, của toàn bộ hệ thống chính trị ở mọi cấp, mọi ngành. | 0,25 |
| Để bảo vệ vững chắc tổ quốc cần có sức mạnh toàn diện của đất nước. Cần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ưu tiên công nghệ tiên tiến. Hoàn thành công cuộc đổi mới hội nhập. Chính vì thế phải xây dựng CNXH theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. | 0,25 |
| **7** | **Nêu đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại và ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển kinh tế các nước Mĩ, Nhật Bản trong khoảng 25 năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai.** | **2,5** |
| **Ý 1** | **Nêu đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại** | **0,5** |
|  | Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp | 0,25 |
| Khoa học đi trước mở đường cho kĩ thuật và kĩ thuật lại mở đường cho sản xuất, trở thành nguồn gốc của mọi tiến bộ về kĩ thuật và công nghệ | 0,25 |
| **Ý 2** | **Ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển kinh tế các nước Mĩ, Nhật Bản trong khoảng 25 năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai.** | **2,0** |
|  | **Đối với Mĩ:** trong khoảng 20 năm đầu sau chiến tranh thế giới II, Mĩ là trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới, chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới | 0,25 |
| Khoảng nửa sau những năm 40 của thế kỉ XX, tổng sản phẩm quốc dân tăng trung bình hàng năm là 6% | 0,25 |
| Năm 1948, sản lượng công nghiệp Mĩ chiếm hơn 56% sản lượng công nghiệp toàn thế giới | 0,25 |
| Năm 1949, sản lượng nông nghiệp Mĩ bằng 2 lần sản lượng của các nước Anh, Pháp, Iatalia, Nhật Bản, Tây Đức cộng lại | 0,25 |
|  | **Đối với Nhật Bản:** Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm (1960-1969) là 10,8 % | 0,25 |
|  | Từ năm 1960 đến năm 1973, kinh tế Nhật bước vào giai đoạn phát triển thần kì | 0,25 |
|  | Năm 1968, Nhật Bản vươn lên đứng thứ hai trong thế giới tư bản (sau Mĩ) | 0,25 |
|  | Từ đầu thập kỉ 70 của thế kỉ XX, Nhật trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới cùng Mĩ và Tây Âu. | 0,25 |

**-------------- HẾT --------------**